VĂN BẢN HỢP NHẤT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65 /2026/VBHN-NĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 78/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 05 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính[1]*;*

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

---

[1] Nghị định số 78/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 139/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.".

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

2. Những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khác có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm mà không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các văn bản đó để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài (sau đây gọi tắt là chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam);

b) Văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, văn phòng đại diện của doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, văn phòng đại diện của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài, văn phòng đại diện của tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam);

c) Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm;

d) Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và tổ chức khác có tư cách pháp nhân);

e) Các tổ chức khác có liên quan quy định tại Nghị định này.

3. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và cơ quan tổ chức, cá nhân khác có liên quan quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, tổ chức, cá nhân bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền.

2. Cảnh cáo áp dụng đối với cá nhân từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này.

3. Mức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức:

a) Mức xử phạt bằng tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức xử phạt đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại Điều 9, Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24, Điều 25, điểm b, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 27, Điều 28, Điều 33, khoản 1 Điều 38, Điều 40 của Nghị định này chỉ áp dụng để xử phạt đối với tổ chức;

b) Mức xử phạt bằng tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân cho cùng hành vi vi phạm;

c) Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tối đa là 100.000.000 đồng, đối với tổ chức tối đa là 200.000.000 đồng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Buộc thực hiện công bố hoặc công bố đúng quy định hoặc thông báo hoặc buộc cải chính thông tin;

c) Buộc chuyên gia tính toán thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định pháp luật; buộc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô sử dụng chuyên gia tính toán thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định pháp luật;

d) Buộc cung cấp cho bên mua bảo hiểm các tài liệu trong quá trình giao kết của các hợp đồng bảo hiểm chưa hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

đ) Buộc giải thích rõ ràng, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm chưa hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

e) Buộc cung cấp cho bên mua bảo hiểm bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm chưa hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

g) Buộc thông báo cho Bộ Tài chính về việc cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng;

h) Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật;

i) Buộc dừng sử dụng người trực tiếp thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm;

k) Buộc nộp lại Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đặt Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;

l) Buộc hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ ngày người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ ngày chấm dứt hành vi vi phạm.

3. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm là ngày thực hiện đúng các quy định pháp luật trừ các trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp không xác định được ngày thực hiện đúng các quy định pháp luật thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm là ngày phát hiện hành vi vi phạm.

4. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này được quy định như sau:

a) Đối với hành vi gian lận các tài liệu đối với hồ sơ đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Điều 6 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện hồ sơ đã được cấp phép bị gian lận;

b) Đối với hành vi không ban hành quy trình, quy chế, không phê duyệt chương trình tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, không xây dựng các chính sách quản trị rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 13, điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện ban hành quy trình, quy chế, phê duyệt chương trình tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, xây dựng các chính sách quản trị rủi ro, quy trình nội bộ về quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật;

c) Đối với hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 32, điểm d khoản 1 Điều 33, điểm b khoản 1 Điều 34, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 36, Điều 37 và Điều 39 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện báo cáo đúng theo quy định của pháp luật;

d) Đối với hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin quy định tại Điều 39 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện công khai hoặc công khai đúng nội dung, hình thức theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc xác định mức phạt tiền và thời hạn đình chỉ trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; vi phạm hành chính nhiều lần

1. Khi xác định mức phạt tiền hoặc thời hạn đình chỉ đối với tổ chức, cá nhân vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng.

2. Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm áp dụng như sau:

a) Nếu không có tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng thì áp dụng mức trung bình của khung tiền phạt;

b) Trường hợp có 01 tình tiết giảm nhẹ thì áp dụng mức trung bình giữa mức trung bình và mức tối thiểu của khung tiền phạt;

c) Trường hợp có 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt;

d) Trường hợp có 01 tình tiết tăng nặng thì áp dụng mức trung bình giữa mức trung bình và mức tối đa của khung tiền phạt;

đ) Trường hợp có 02 tình tiết tăng nặng trở lên thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.

3. Thời hạn đình chỉ cụ thể đối với hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động có thời hạn:

a) Nếu không có tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng thì áp dụng thời hạn đình chỉ trung bình của khung xử phạt;

b) Trường hợp có 01 tình tiết giảm nhẹ thì áp dụng thời hạn đình chỉ trung bình giữa mức trung bình và mức tối thiểu của khung xử phạt;

c) Trường hợp có 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì áp dụng thời hạn đình chỉ tối thiểu của khung xử phạt;

d) Trường hợp có 01 tình tiết tăng nặng thì áp dụng thời hạn đình chỉ trung bình giữa mức trung bình và mức tối đa của khung xử phạt;

đ) Trường hợp có 02 tình tiết tăng nặng trở lên thì áp dụng thời hạn đình chỉ tối đa của khung xử phạt.

4. Vi phạm hành chính nhiều lần:

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ các hành vi vi phạm hành chính nhiều lần là tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 13, khoản 2 Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, khoản 3 Điều 20, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 27, khoản 3 Điều 30, Điều 31 Nghị định này.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đã được cấp phép

Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Hồ sơ đề nghị cấp hoặc gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp hoặc được phép gia hạn giấy phép.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Điều 7. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép đặt Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện công bố hoặc thực hiện không đúng quy định về công bố thông tin của Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 76 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Không thực hiện công bố hoặc thực hiện không đúng quy định về công bố các nội dung của Giấy phép được cấp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động và ngày chính thức hoạt động theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 72, Điều 135 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Không thực hiện thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn về việc đáp ứng các quy định để chính thức hoạt động theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sửa chữa Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đặt Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi mức vốn điều lệ, vốn được cấp khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 74, điểm b khoản 1 Điều 136 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm trước ngày chính thức hoạt động, quy định tại khoản 2 Điều 72, khoản 4 Điều 73 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm không có Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm không đúng Giấy phép thành lập và hoạt động đã được cấp;

d) Hoạt động, kinh doanh liên quan trực tiếp đến nội dung, phạm vi của hành vi vi phạm hành chính đang bị đình chỉ hoạt động hoặc đã bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động đã hết thời hạn;

đ) Nội dung hoạt động không đúng Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam đã được cấp, hoạt động khi Giấy phép đặt Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam đã bị thu hồi theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 61 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP hoặc đã hết thời hạn.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện công bố hoặc công bố đúng quy định hoặc thông báo hoặc buộc cải chính đối với các trường hợp vi phạm tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đặt Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam đối với trường hợp vi phạm khoản 2 Điều này;

c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 8. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức, giải thể doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chấm dứt hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 115, điểm e khoản 1 Điều 136 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, khoản 5 Điều 17, Điều 55, Điều 72 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam vi phạm:

a) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm e khoản 1 Điều 74, điểm e khoản 1 Điều 136 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Không báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức theo phương án đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 23, khoản 4 Điều 71 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này.

Mục 2
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô vi phạm một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 79 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 20 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không ban hành quy trình, quy chế theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 73 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 39 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không thực hiện quản trị tài chính theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô vi phạm một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không duy trì Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 80 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), chuyên gia tính toán của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 24, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

d) Vi phạm nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

đ) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), chuyên gia tính toán khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 74 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 10. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về người quản lý doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 79, Điều 80 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 77, Điều 78 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

c) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản

theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 136 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về chuyên gia tính toán

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm của chuyên gia tính toán:

a) Không thực hiện nhiệm vụ được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phân công theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

b) Thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phân công theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô vi phạm một trong các hành vi sau: không sử dụng hoặc sử dụng chuyên gia tính toán thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc chuyên gia tính toán thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam sử dụng chuyên gia tính toán thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 12. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam vi phạm một trong các hành vi sau: không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn cho Bộ Tài chính theo quy định của pháp

luật, quy định tại khoản 3 Điều 74, khoản 2 Điều 136 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam vi phạm quy định về thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 74, điểm a khoản 1 Điều 136 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam vi phạm quy định về thay đổi phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm d, điểm g khoản 1 Điều 74, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 136 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 13. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không phê duyệt chương trình tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

b) Chương trình tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm không đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện chương trình tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm không theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm toàn bộ trách nhiệm đã nhận bảo hiểm, nhận tái bảo hiểm trong một hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng tái bảo hiểm cho một hoặc nhiều doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong và ngoài nước, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam khác;

b) Mức giữ lại không theo quy định của pháp luật;

c) Tái bảo hiểm chỉ định, tái bảo hiểm hạn chế không theo quy định của pháp luật;

d) Tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, tổ chức tái bảo hiểm nước ngoài không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;

đ) Nhận tái bảo hiểm đối với chính những rủi ro đã nhượng tái bảo hiểm không theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này (đối với những hợp đồng còn hiệu lực).

Điều 14. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài vi phạm một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản, quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Không thực hiện chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 91 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Bên chuyển giao tiếp tục ký hợp đồng bảo hiểm mới thuộc nghiệp vụ bảo hiểm chuyển giao, quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm

1. Hành vi thông đồng với người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm để giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm trái pháp luật; hành vi giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin để từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra; hành vi giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm; hành vi tự gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của mình để hưởng quyền lợi bảo hiểm trừ trường hợp luật quy định khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bị phạt tiền như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm mà số tiền chiếm đoạt dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại dưới 20.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm mà số tiền chiếm đoạt từ 10.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm mà số tiền chiếm đoạt từ 15.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về gian lận trong kinh doanh bảo hiểm của pháp nhân thương mại thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 213 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà số tiền chiếm đoạt dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại dưới 400.000.000 đồng hoặc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Mục 3
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Điều 16. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về cung cấp sản phẩm bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không thông báo cho Bộ Tài chính về việc cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm thực hiện cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng các thông tin về doanh nghiệp, dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm, hình thức tổ chức cung cấp và các thông tin khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp cho bên mua bảo hiểm các tài liệu trong quá trình giao kết hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Không giải thích rõ ràng, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Không cung cấp cho bên mua bảo hiểm bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Đe dọa, cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm, quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thông báo cho Bộ Tài chính về việc cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc cung cấp cho bên mua bảo hiểm các tài liệu trong quá trình giao kết của các hợp đồng bảo hiểm chưa hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc giải thích rõ ràng, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm chưa hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc cung cấp cho bên mua bảo hiểm bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm chưa hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 17. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về triển khai bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm không đáp ứng quy định pháp luật;

b) Tài liệu tóm tắt quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không theo quy định pháp luật;

c) Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm nhân thọ không theo quy định pháp luật;

d) Bản yêu cầu bảo hiểm, bảng câu hỏi liên quan đến rủi ro được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không theo quy định pháp luật;

đ) Tài liệu giới thiệu sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không theo quy định pháp luật;

e) Thông tin, quảng cáo về sản phẩm bảo hiểm nhân thọ không theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện không đúng quy định pháp luật về nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm sức khỏe.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về sản phẩm bảo hiểm, hoa hồng bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Triển khai sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm vi mô trước khi được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm, chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 87, khoản 2 Điều 145 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 32 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP, Điều 6 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

b) Không tuân thủ phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm vi mô đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 87, khoản 2 Điều 145 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô thanh toán, chi trả hoa hồng đại lý bảo hiểm, thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và quyền lợi khác theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm không theo quy định pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 19. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về bảo hiểm bắt buộc của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Từ chối bán bảo hiểm bắt buộc cho cá nhân, tổ chức trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Không tuân thủ phạm vi bảo hiểm, loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, mức khấu trừ bảo hiểm, giới hạn trách nhiệm bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 33, Điều 34, Điều 37, Điều 42, Điều 43, Điều 45, khoản 2 Điều 48, Điều 49, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP;

c) Không tách riêng phần bảo hiểm bắt buộc trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm mở rộng điều kiện bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tăng thêm và mức phí bảo hiểm bổ sung tương ứng theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP;

d) Khuyến mại, chiết khấu thanh toán đối với bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định 67/2023/NĐ-CP;

đ) Không thiết lập, duy trì hoạt động đường dây nóng để kịp thời tiếp nhận thông tin tai nạn, tổn thất, hướng dẫn, giải đáp cho bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm và các bên có liên quan về các vấn đề liên quan tới bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 75 Nghị định 67/2023/NĐ-CP;

e) Không tích hợp tính năng tra cứu Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 75 Nghị định 67/2023/NĐ-CP;

g) Giấy chứng nhận bảo hiểm không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP;

h) Thực hiện đóng góp Quỹ bảo hiểm xe cơ giới không theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 11 Điều 75 Nghị định 67/2023/NĐ-CP;

i) Không cung cấp, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 13 Điều 75 Nghị định 67/2023/NĐ-CP;

k) Không thực hiện ghi âm các cuộc gọi đến đường dây nóng theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 75 Nghị định 67/2023/NĐ-CP;

l) Không tuân thủ quy định về thời hạn bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 9, Điều 36, Điều 44, Điều 50, Điều 57 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP;

m) Bồi thường, tạm ứng bồi thường không theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 28, Điều 29, Điều 39, Điều 40, Điều 46, Điều 47, Điều 52, Điều 53, Điều 59, Điều 60 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 20. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép tại Việt Nam đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không lưu giữ và cung cấp các tài liệu chứng minh đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 90 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện gửi báo cáo việc tham gia cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới cho Bộ Tài chính không theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 90 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tham gia bảo hiểm tại nước ngoài không thông qua doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 6 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Tham gia bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 86 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép tại Việt Nam vi phạm một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm, môi giới bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam không đáp ứng đủ các điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 86 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

b) Sử dụng tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam không đáp ứng đủ các điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 87 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

c) Sử dụng tổ chức cung cấp dịch vụ bảo hiểm, môi giới bảo hiểm qua biên giới không có trụ sở chính tại quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ đó đã ký kết các điều ước quốc tế về thương mại, trong đó có thỏa thuận về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 85 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

d) Sử dụng tổ chức cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới không thông qua doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 88 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI BẢO HIỂM, ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, PHỤ TRỢ BẢO HIỂM VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 21. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp phù hợp với hoạt động môi giới bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 137 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

Điều 22. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho việc cung

cấp dịch vụ tư vấn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 142 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp phù hợp với từng loại hình dịch vụ phụ trợ bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 142 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

Điều 23. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về môi giới bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thoả thuận bằng văn bản với khách hàng khi thực hiện cung cấp dịch vụ môi giới bảo hiểm hoặc có thỏa thuận bằng văn bản nhưng thỏa thuận không nêu rõ nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm, thời hạn thỏa thuận, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên theo quy định của pháp luật;

b) Ngăn cản bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm cung cấp các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hoặc xúi giục bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không kê khai các chi tiết liên quan đến hợp đồng bảo hiểm; khuyến mại dưới hình thức hứa hẹn cung cấp các quyền lợi bất hợp pháp để xúi giục khách hàng giao kết hợp đồng bảo hiểm; xúi giục bên mua bảo hiểm hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực để mua hợp đồng bảo hiểm mới, quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 137 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Không bảo mật thông tin do khách hàng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam cung cấp, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của khách hàng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 137 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Không bồi thường thiệt hại cho khách hàng do hoạt động môi giới bảo hiểm gây ra theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 137 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

đ) Không công khai thông tin cho khách hàng các nội dung theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 137 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tư vấn cho khách hàng mua bảo hiểm tại một doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài với các điều kiện, điều khoản kém cạnh tranh hơn so với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác nhằm thu được hoa hồng môi giới bảo

hiểm cao hơn, quy định tại điểm d khoản 3 Điều 137 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Cung cấp cho khách hàng thông tin sai lệch, không phù hợp nội dung điều kiện, điều khoản bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 137 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người trực tiếp thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nghiệp vụ bảo hiểm liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm một trong các hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc doanh nghiệp môi giới bảo hiểm dừng sử dụng người trực tiếp thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 24. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về đại lý bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác hoạt động trong cùng loại hình bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà cá nhân đó đang làm đại lý không theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Sử dụng cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho một tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô khác không theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Sử dụng tổ chức đang làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô khác khi chưa được chấp thuận bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô mà tổ chức đó đang làm đại lý không theo quy định của

pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Sử dụng tổ chức, cá nhân khi không đáp ứng điều kiện hoạt động làm đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 125 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 62 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

đ) Phát hành hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp nội dung ghi âm theo quy định của pháp luật không có xác nhận của bên mua bảo hiểm về việc tham gia bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với năng lực tài chính, nhu cầu bảo hiểm của bên mua bảo hiểm;

e) Ký thêm hợp đồng đại lý cá nhân với nhân viên của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm để khai thác cùng một hợp đồng bảo hiểm;

g) Không tổ chức đào tạo và cập nhật kiến thức cho đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 128 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không có biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng đại lý bảo hiểm, đánh giá chất lượng tư vấn, giới thiệu sản phẩm bảo hiểm của đại lý bảo hiểm và nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật; phát hiện và không có biện pháp xử lý đối với các đại lý bảo hiểm vi phạm, để xảy ra một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông tin, quảng cáo sai sự thật về nội dung, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, điều kiện và điều khoản bảo hiểm làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 129 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Ngăn cản bên mua bảo hiểm cung cấp các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hoặc xúi giục bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không kê khai các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 129 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Tranh giành khách hàng dưới các hình thức ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa nhân viên hoặc khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác, quy định tại điểm c khoản 3 Điều 129 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Xúi giục khách hàng hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực dưới mọi hình thức, quy định tại điểm d khoản 3 Điều 129 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

đ) Tư vấn, giới thiệu, chào bán sản phẩm bảo hiểm, cung cấp các thông tin về sản phẩm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không

đầy đủ, chính xác cho bên mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 129 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

e) Không giải thích rõ ràng, đầy đủ về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 129 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

g) Tự ý kê khai thông tin cho bên mua bảo hiểm khi chưa có sự đồng ý của bên mua bảo hiểm, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 129 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

h) Không giải thích cho bên mua bảo hiểm việc tham gia sản phẩm bảo hiểm không phải là điều kiện bắt buộc để sử dụng các sản phẩm, dịch vụ khác của tổ chức hoạt động đại lý theo quy định của pháp luật;

i) Tư vấn, giới thiệu, chào bán, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư cho các khách hàng trong thời hạn 60 ngày trước và 60 ngày sau giải ngân toàn bộ khoản vay;

k) Không tuân thủ các quy định về cung cấp sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư qua đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô dừng việc sử dụng đại lý bảo hiểm liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 25. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về hoạt động cấp, thu hồi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm

1. Phạt tiền 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô đào tạo chứng chỉ đại lý bảo hiểm không đáp ứng nội dung quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 130 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước cấp, thu hồi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm không theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 6 Điều 81, khoản 2 Điều 139, khoản 4 Điều 143 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 26. Xử phạt đối với các hành vi vi phạm của Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thay đổi tên gọi, quốc tịch, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài hoặc tên gọi của Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam hoặc thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam hoặc thay đổi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam không theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Không thực hiện thông báo thay đổi theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 76 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này (trừ trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam).

Điều 27. Xử phạt đối với các hành vi vi phạm cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm của cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm khi cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm như sau:

a) Không giữ bí mật thông tin khách hàng hoặc sử dụng thông tin khách hàng không đúng mục đích hoặc cung cấp thông tin cho bên thứ ba mà không có sự chấp thuận của khách hàng, trừ trường hợp cung cấp theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm cung cấp dịch vụ giám định tổn thất bảo hiểm và hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm cho hợp đồng bảo hiểm mà tổ chức đó đồng thời là bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng;

c) Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm cung cấp dịch vụ giám định tổn thất bảo hiểm cho hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp đó thực hiện thu xếp giao kết hợp đồng bảo hiểm;

d) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm không được lập bằng văn bản.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm khi cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm như sau:

a) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm không đúng loại hình dịch vụ phụ trợ bảo hiểm được quyền cung cấp;

b) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức không có tư cách pháp nhân cung cấp một trong các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm sau: đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với cá nhân có hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm có hành vi vi phạm tại điểm a, b khoản 2 Điều này.

Mục 4a
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VỐN, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN[2]

Điều 28. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về vốn

1. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 94 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10;

b) Vốn điều lệ được góp thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15; mức vốn hoạt động thấp hơn mức vốn thành lập tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

d) Không duy trì tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

---

[2] Tên mục này được bổ sung theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng một phần hoặc toàn bộ nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật về vốn và tỷ lệ an toàn vốn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 29. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về ký quỹ

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Ký quỹ không đúng quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 96 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 37 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

b) Sử dụng tiền ký quỹ, rút tiền ký quỹ không đúng quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 96 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều này.

Điều 30. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về trích lập, quản lý và sử dụng dự phòng nghiệp vụ và dự trữ bắt buộc

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc không theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 98 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, khoản 1 Điều 42 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không đăng ký phương pháp, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ với Bộ Tài chính, trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 97 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 45 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

b) Sử dụng Quỹ dự trữ bắt buộc không đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Trích lập dự phòng nghiệp vụ không theo phương pháp, cơ sở đã đăng ký với Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 45 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

b) Sử dụng Quỹ dự phòng nghiệp vụ không đúng quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 40, khoản 2 Điều 42 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

c) Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm không có xác nhận của chuyên gia tính toán theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

d) Trích lập dự phòng nghiệp vụ không theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 97 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15; Điều 38 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm b, điểm d khoản 3 Điều này.

Điều 31. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về đầu tư vốn

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không ghi nhận, theo dõi riêng tài sản đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu và tài sản đầu tư từ nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ;

b) Doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh đồng thời các loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe không ghi nhận, theo dõi riêng tài sản đầu tư từ nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của từng loại hình tái bảo hiểm.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau về nguyên tắc đầu tư:

a) Đầu tư ngoài các nguồn đầu tư theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Đầu tư vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ không theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 61, Điều 62 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP; khoản 3 Điều 39 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

c) Đầu tư quá 30% nguồn vốn đầu tư vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu lẫn nhau theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 99 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu không theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 46 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP; đầu tư từ vốn thành lập, quỹ dự trữ bắt buộc và vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

đ) Tổ chức nhận ủy thác đầu tư không được cấp phép thực hiện hoạt động nhận ủy thác đầu tư phù hợp với nội dung nhận ủy thác đầu tư theo quy định của pháp

luật, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 99 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đi vay để đầu tư trực tiếp hoặc ủy thác đầu tư vào chứng khoán, kinh doanh bất động sản hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác không theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 99 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Đầu tư trở lại dưới mọi hình thức cho các cổ đông, thành viên góp vốn hoặc người có liên quan với cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các cổ đông, thành viên là tổ chức tín dụng không theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 99 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Sử dụng nguồn vốn dự phòng nghiệp vụ để đầu tư ra nước ngoài dưới mọi hình thức không theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 99 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong đó có mục đích để cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp phát hành không theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 99 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

đ) Thực hiện các hoạt động đầu tư không được phép theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 99 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

e) Đầu tư ra nước ngoài không theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 100 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Mục 5

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN, QUẢN TRỊ RỦI RO, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 32. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về an toàn tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kịp thời về thực trạng tài chính, nguyên nhân dẫn đến nguy cơ mất khả

năng thanh toán theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng một hoặc một số các phương án khôi phục khả năng thanh toán, củng cố tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm đã được Bộ Tài chính chấp thuận khi doanh nghiệp có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10;

b) Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính về thực trạng, nguyên nhân, biện pháp cải thiện được áp dụng theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP;

c) Không tuân thủ yêu cầu về việc khôi phục khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10, khoản 2 Điều 67 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP;

d) Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài không bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn, khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 107 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm tại khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm tại điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 33. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ

1. Phạt tiền doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về quản trị rủi ro:

a) Không tổ chức quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật;

b) Không xây dựng các chính sách quản trị rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về vốn và khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật;

d) Không gửi Bộ Tài chính báo cáo quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo quản trị rủi ro không bảo đảm nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ:

a) Hoạt động kiểm soát nội bộ không bảo đảm các nguyên tắc theo quy định của pháp luật;

b) Bộ phận kiểm soát tuân thủ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về kiểm toán nội bộ:

a) Định kỳ hàng năm không thực hiện đánh giá hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật;

b) Định kỳ hàng năm không thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 34. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về việc thực hiện biện pháp cải thiện

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm trong trường hợp phải áp dụng các biện pháp cải thiện sau đây:

a) Không lựa chọn, triển khai thực hiện hoặc triển khai thực hiện không đúng một hoặc một số biện pháp cải thiện theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 111 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính về thực trạng, nguyên nhân, biện pháp cải thiện được áp dụng theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 111 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện biện pháp cải thiện sau đây:

a) Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 111 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Tăng nhận tái bảo hiểm, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 111 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 35. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về việc thực hiện biện pháp can thiệp sớm

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không xây dựng hoặc xây dựng phương án khắc phục tỷ lệ an toàn vốn không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 112 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Không tổ chức triển khai thực hiện hoặc tổ chức thực hiện phương án khắc phục không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 112 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Không báo cáo hoặc báo cáo Bộ Tài chính không đúng thời hạn về thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 112 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện biện pháp can thiệp sớm sau đây:

a) Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, quy định tại điểm a khoản 5 Điều 112 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Tăng nhận tái bảo hiểm, quy định tại điểm a khoản 5 Điều 112 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Mua cổ phiếu quỹ, quy định tại điểm b khoản 5 Điều 112 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động, quy định tại điểm c khoản 5 Điều 112 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 36. Xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về việc thực hiện biện pháp kiểm soát

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thuê hoặc thuê tổ chức kiểm toán độc lập rà soát, đánh giá thực trạng tài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp và khả năng thanh toán không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Không xây dựng hoặc xây dựng phương án khắc phục tỷ lệ an toàn vốn không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Không tổ chức hoặc tổ chức triển khai thực hiện phương án khắc phục tỷ lệ an toàn vốn không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Không báo cáo hoặc báo cáo Bộ Tài chính không đúng thời hạn về thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện biện pháp kiểm soát sau đây:

a) Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, quy định tại điểm a khoản 7 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Tăng nhận tái bảo hiểm, quy định tại điểm a khoản 7 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Mua cổ phiếu quỹ, quy định tại điểm a khoản 7 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động, quy định tại điểm a khoản 7 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

đ) Tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp; mua bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ, quy định tại điểm b khoản 7 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

e) Đầu tư vào các tài sản có mức độ rủi ro cao hoặc thực hiện các hoạt động kinh doanh làm giảm tỷ lệ an toàn vốn, quy định tại điểm c khoản 7 Điều 113 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 37. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về thực hiện trách nhiệm khi bị áp dụng biện pháp cải thiện, can thiệp sớm, kiểm soát

Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện và mức độ cải thiện theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

Điều 38. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam vi phạm một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không đăng ký với Bộ Tài chính các nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, khoản 1 Điều 51 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP;

b) Thực hiện không đúng nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Không đăng ký với Bộ Tài chính phương pháp phân chia thặng dư của quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm có chia lãi của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ trước khi áp dụng theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

d) Thực hiện không đúng phương pháp phân chia thặng dư đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ không thực hiện tách, ghi nhận và theo dõi riêng tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi theo phương pháp được Bộ Tài chính chấp thuận theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ điều chuyển tài sản và bù đắp thâm hụt của quỹ chủ hợp đồng không theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện việc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

b) Không thực hiện việc phân chia thặng dư theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Mục 6
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 39. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về báo cáo và công khai thông tin, cập nhật thông tin đại lý

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Nộp báo cáo không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

b) Nộp báo cáo không đầy đủ theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 106 và khoản 5 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 34 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP quy định về bảo hiểm vi mô, khoản 2 Điều 75 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

c) Thông báo cho Bộ Tài chính không đúng thời hạn về nội dung thông tin công khai theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 117, khoản 8 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông tin, số liệu trong báo cáo không đầy đủ, không chính xác theo quy định của pháp luật;

b) Thông tin công khai không chính xác, đầy đủ theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 117, khoản 8 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 45 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

c) Công khai thông tin không đúng hình thức, thời hạn quy định theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2 Điều 117, khoản 8 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 44 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp báo cáo theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 106, Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Điều 34 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

b) Báo cáo tài chính năm không có xác nhận của kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 105 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15;

c) Không thực hiện công khai thông tin theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15; Điều 44, Điều 45 Nghị định số 21/2023/NĐ-CP;

d) Không thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung thông tin công khai theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 3 Điều 117, Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký và cập nhật thông tin của cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm và nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm tại cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 4 Điều 127, điểm l khoản 2 Điều 128 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

Mục 7

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN, PHÒNG, CHỐNG TÀI TRỢ KHỦNG BỐ, PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Điều 40. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

1. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện hành vi vi phạm quy định về nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; về trách nhiệm xây dựng quy định nội bộ và báo cáo, cung cấp, lưu trữ thông tin, hồ sơ thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không nhận biết, không cập nhật và không xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Luật Phòng, chống rửa tiền, khoản 1 Điều 34 Luật Phòng, chống khủng bố, điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định số 81/2019/NĐ-CP;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không giám sát một số giao dịch đặc biệt theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 20 Luật Phòng, chống rửa tiền;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về việc lưu trữ, bảo mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo

về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 38, Điều 40 Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 34 Luật Phòng, chống khủng bố;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành và tuân thủ quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 24 Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 34 Luật Phòng, chống khủng bố, Điều 22 Nghị định số 81/2019/NĐ-CP;

đ) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; không cập nhật kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, không nộp hoặc nộp báo cáo kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro không đúng thời hạn, không phổ biến kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro trong toàn hệ thống của đối tượng báo cáo theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố và phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng quy định phân loại khách hàng, không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro, không xây dựng quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố và phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

g) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành chính sách, quy trình để nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 19 Luật Phòng, chống rửa tiền;

h) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm liên quan đến cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 17 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin về phòng, chống rửa tiền, các hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền, báo cáo giao dịch có giá trị lớn, báo cáo giao dịch đáng ngờ, giao dịch chuyển tiền điện tử thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về việc báo cáo giao dịch có giá trị lớn, báo cáo giao dịch đáng ngờ, báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 34 Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 8 Luật Phòng, chống rửa tiền;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 33 Luật Phòng, chống khủng bố, Điều 22 Nghị định số 81/2019/NĐ-CP;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện, trợ giúp thực hiện hành vi rửa tiền chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 8 Luật Phòng, chống rửa tiền;

đ) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch, không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 44 Luật Phòng, chống rửa tiền; không thực hiện phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 45 Luật Phòng, chống rửa tiền.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện hành vi vi phạm quy định về phòng, chống tài trợ khủng bố thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cho lực lượng chống khủng bố khi phát hiện dấu hiệu, hành vi tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 33 Luật Phòng, chống khủng bố;

b) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ khủng bố; không áp dụng các biện pháp tạm thời hoặc không báo cáo việc áp dụng các biện pháp tạm thời khi có nghi ngờ khách hàng hoặc giao dịch của khách hàng liên quan đến tài trợ khủng bố hoặc khách hàng nằm trong Danh sách đen phòng, chống khủng bố.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện hành vi vi phạm quy định về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thì bị xử phạt như sau:

Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện có hành vi phổ biến và tài trợ cho hoạt động phổ biến hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác về vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều 25 Nghị định số 81/2019/NĐ-CP.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm chưa được quy định tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Mục 8
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM

Điều 41. Thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm[3]

1. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

3. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

4. Đội trưởng của Công an nhân dân có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

5. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

6. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế; Chánh văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Công an tỉnh, Chánh văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

8. Trưởng đoàn thanh tra của Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

9. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

10. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 42. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm[4]

1. Trưởng đoàn thanh tra, Trưởng đoàn kiểm tra có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra, kiểm tra trong thời hạn thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Trường hợp hết thời hạn thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật mà chưa thể ra quyết định xử phạt, thì phải chuyển vụ vi phạm đến người có thẩm quyền để xử phạt.

2. Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

3. Trường hợp hình thức, mức tiền phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì người có thẩm quyền xử phạt đang xử lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan, người có thẩm quyền để xử phạt.

4. Trường hợp người có thẩm quyền đang thi hành công vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại Điều 41 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

6. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh quy định tại Điều 41 Nghị định này cụ thể như sau:

a) Các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 41 Nghị định này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, trừ hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 40 Nghị định này;

b) Các chức danh thuộc lực lượng Công an nhân dân quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 41 Nghị định này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 15, điểm d khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 40 Nghị định này;

c) Các chức danh thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 41 Nghị định này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Nghị định này.

Điều 43. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

1. Các chức danh nêu tại Điều 41 Nghị định này khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

2. Công an nhân dân, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả[5]

1. Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Biên bản, tài liệu, văn bản hoặc giấy tờ liên quan khác ghi nhận việc thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả phải có trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 44a. Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử[6]

Trường hợp xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 18a Luật Xử lý vi phạm hành chính và Chương IIIa Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

[6] Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành[7]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2025.

2. Bãi bỏ các nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm quy định từ Điều 1 đến Điều 33 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ.

3. Điểm a khoản 1 Điều 28, khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 32 của Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

4. Điểm d khoản 1 Điều 28, điểm đ khoản 3 Điều 31, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 46. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau thời điểm có hiệu lực của Nghị định này, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì được giải quyết theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

2. Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra và đã kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết để xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm, trừ trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho cá nhân, tổ chức vi phạm thì áp dụng các quy định về xử phạt quy định tại Nghị định này.

---

[7] Điều 6 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 quy định như sau:
"Điều 6. Điều khoản thi hành
Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026."

Điều 47. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định này chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ TÀI CHÍNH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Cận

Nơi nhận:
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cục CNTT (để đăng trên Cổng TTĐT của Bộ Tài chính);
- Cục QLBH;
- Lưu: VT, PC (3.b).